**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**

**BÀI ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I**

**Năm học 2023-2024**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 6**

**Thời gian làm bài: 60 phút**

**I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **Phần Lịch sử** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ? | Lịch sử và cuộc sống | | 1TN | |  | |  | |  | | 2,5 |
|  |  | Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử? | | 1TN | | 1/2TL | |  | | 1/2TL | | 22,5 |
|  |  | Thời gian trong lịch sử | | 2TN | |  | |  | |  | | 5 |
| 2 | THỜI NGUYÊN THUỶ | Nguồn gốc loài người | | 2TN | |  | |  | |  | | 5 |
|  |  | Xã hội nguyên thuỷ | | 1TN | |  | |  | |  | | 2,5 |
|  |  | Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy. | | 1TN | |  | | 1TL | |  | | 12,5 |
| **Số câu** | | | | 8 TN | | ½ TL | | 1 TL | | ½ TL | |  |
| **Tỉ lệ** | | | | ***20%*** | | ***15%*** | | ***10%*** | | ***5%*** | | ***50%*** |
| **Phần Địa lý** | | | | | | | | | | | | |
|  |  | |  | TN  KQ | TL | TN  KQ | TL | TN  KQ | TL | TNKQ | TL |  |
| **1** | BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT  (2,5 điểm = 25%) | | - Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ  - Các yếu tố cơ bản của bản đồ.  - Các loại bản đồ thông dụng  - Lược đồ trí nhớ | 2  TN |  |  | 1  TL |  | 1  TL |  |  | 25% |
| **2** | TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI  (2,5 điểm = 25%) | | - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời  - Hình dạng, kích thước Trái Đất  - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí | 6  TN |  |  |  |  |  |  | 1TL | 25% |
| **Số câu/ loại câu** | | | | 8 câu TNKQ | | 1 TL | | 1TL | | 1 câu TL | |  |
| ***Tỉ lệ:*** | | | | ***20%*** | | ***15%*** | | ***10%*** | | ***5%*** | | ***50%*** |
| ***Tổng*** | | | | ***40%*** | | ***30%*** | | ***20%*** | | ***10%*** | | ***100%*** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phần Lịch sử** | | | | | | | |
| 1 | **VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ?** | **Lịch sử và cuộc sống** | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm lịch sử. \*  - Nêu được khái niệm môn Lịch sử.  **Thông hiểu**  - Giải thích được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.  - Giải thích được sự cần thiết phải học môn Lịch sử.  - Giải thích được câu nói của Bác Hồ với các chiến sĩ tại Đền Hùng.  **Vận dụng:**  Nhận xét câu nói của Xi-xê-rông: “Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống”  **Vận dụng cao:**  Rút ra được trách nhiệm của bản thân.\* | 1TN |  |  |  |
| **Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử?** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các nguồn tư liệu lịch sử. \*  - Trình bày được ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu.  **Thông hiểu**  - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết…).\*  **Vận dụng:**  So sánh tư liệu chữ viết và tư liệu hiện vật  **Vận dụng cao:**  Liên hệ ở địa phương em (Phú Thọ) có những tư liệu hiện vật nào giúp em biết và phục dựng lại lịch sử.\* | 1TN | 1/2TL |  | 1/2TL |
|  |  | **Thời gian trong lịch sử** | **Nhận biết:**  - Nêu được 1 số khái niệm thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, TCN, SCN … \*  - Biết cách tính thời gian trong lịch sử.\*  - Trình bày được Dương lịch là loại lịch dựa vào sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời.  **Vận dụng:**  Tính được thời gian trong lịch sử (thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,…).  **Vận dụng cao:**  Lựa chọn, sắp xếp và tự đánh giá những sự kiện quan trọng của bản thân em trong khoảng 2 năm trở lại đây theo đúng trình tự thời gian. | 2TN |  |  |  |
| 2 | **XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ** | **Nguồn gốc loài người**  **Xã hội nguyên thuỷ**  **Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thuỷ.** | **Nhận biết:**  - Nêu được nguồn gốc loài người là từ loài vượn người.\*  - Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam.\*  **Thông hiểu:**  Hiểu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.  **Vận dụng:**  Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á bẳng lược đồ H2 trang 18 SGK.  **Vận dụng cao:**  Sưu tầm tư liệu (chữ viết, hình ảnh) chứng minh về nguồn gốc loài người  **Nhận biết:**  - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.\*  - Nêu được tổ chức xã hội của Người tinh khôn là sống quần tụ trong các thị tộc gồm 2, 3 thế hệ có cùng dòng máu  **Thông hiểu**  - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ.  - Giải thích được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người  **Vận dụng:**  So sánh được sự khác nhau giữa bầy người nguyên thuỷ và công xã thị tộc (dạng người, đời sống vật chất, tổ chức xã hội, đời sống tinh thần …) \*  **Vận dụng cao:**  Nhận xét được điểm tiến bộ về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của Người tinh khôn so với Người tối cổ.  **Nhận biết:**  - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.\*  - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên - Đồng Đậu - Gò Mun).  **Thông hiểu:**  - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.  - Mô tả được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy phương Đông.  - Giải thích được sự tan rã của xã hội nguyên thủy.  - Giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.  **Vân dụng cao:**  Nhận xét được vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. | 2TN  1TN  1TN |  | 1TL |  |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 TN | 1/2 TL | 1 TL | ½ TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần Địa lí** | | | | | | | |
| **1** | **BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**  **(2,5 điểm = 25%)** | - Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ  - Các yếu tố cơ bản của bản đồ.  - Các loại bản đồ thông dụng  - Lược đồ trí nhớ | **Nhận biết**  - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.  - Đọc được các kí hiệu trên bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.  **Thông hiểu**  - Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.  **Vận dụng**  - Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.  **Vận dụng cao**  - Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. | 2TN | 1TL | 1TL |  |
| **2** | **TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI**  **(2,5 điểm = 25%)** | – Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời  – Hình dạng, kích thước Trái Đất  – Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí | **Nhận biết**  - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.  - Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục  **Thông hiểu**  - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ).  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau  **Vận dụng**  - Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.  **Vận dụng cao**  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. | 6TN |  |  | 1TL |
| **Số câu/ loại câu** | | | | 8câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu TL | 1 câu TL |
| **Tỉ lệ %** | | | | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |
| **Tổng hợp chung (LS và ĐL)** | | | | 40% | 30% | 20% | 10% |

**III. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**A.TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) *Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng***

**Câu 1.** Lịch sử được hiểu là gì?

A. Tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.

B. Những câu chuyện cổ tích được kể truyền miệng.

C. Các bản ghi chép hay tranh ảnh còn được lưu giữ lại.

D. Sự tưởng tượng của con người.

**Câu 2.** Bia đá trongVăn Miếu Quốc Tử Giám thuộc loại tư liệu

|  |  |
| --- | --- |
| A. truyền miệng và hiện vật. | C. dân gian. |
| B. chữ viết. | D. chữ viết và hiện vật. |

**Câu 3.** Một thiên niên kỉ là

|  |  |
| --- | --- |
| A. 10 năm. | C. 1000 năm. |
| B. 100 năm. | D. 2000 năm. |

**Câu 4.** Âm lịch được tính dựa vào sự di chuyển của

A. Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

B. Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

C. Trái Đất quay quanh chính nó.

D. các vì sao quay quanh Trái Đất.

**Câu 5.** Loài người có nguồn gốc từ

A. Người tối cổ. B. Vượn.

C. Vượn người. D. Người tinh khôn.

**Câu 6.**Di chỉ nào là dấu tích cổ xưa nhất chứng tỏ sự xuất hiện sớm của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam?

A. Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn).

B. Núi Đọ (Thanh Hóa).

C. Xuân Lộc (Đồng Nai).

D. An Khê (Gia Lai).

**Câu 7.** Về kinh tế, trong giai đoạn công xã thị tộc, người nguyên thủy ở Việt Nam đã

A. sống thành bầy, có người đứng đầu.

B. biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải và làm gốm.

C. biết làm đồ trang sức, vẽ tranh trên vách đá.

D. sống trong hang, động, dựa vào săn bắt và hái lượm.

**Câu 8.**Việc sử dụng phổ biến công cụ kim loại, đặc biệt là công cụ bằng sắt đã tác động như thế nào đến kinh tế cuối thời nguyên thủy?

A. Diện tích canh tác nông nghiệp chưa được mở rộng.

B. Năng suất lao động tăng, tạo ra sản phẩm chỉ đủ để ăn.

C. Diện tích canh tác nông nghiệp được mở rộng, chất lượng sản phẩm chưa cao.

D. Năng suất lao động tăng cao, tạo ra sản phẩm dư thừa.

**Câu 9:**Vĩ tuyến gốc là

**A**. chí tuyến Bắc. **B.** vòng cực.

**C**. chí tuyến Nam. **D.** Xích đạo.

**Câu 10:** Trên bản đồ, đối tượng địa lí nào sau đây được thể hiện bằng kí hiệu đường

**A.** Sân bay. **B.** cảng biển.

**C.** nhà máy thủy điện. **D.** biên giới quốc gia.

**Câu 11:** Trái Đất ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

**A.** 3. **B.** 4.

**C.** 5. **D**. 6.

**Câu 12:** Trái Đất có dạng hình

**A.** cầu. **B.** vuông.

**C.** tròn. **D.** bầu dục.

**Câu 13:** Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng từ

**A.** tây sang đông. **B.** đông sang tây.

**C.** bắc xuống nam. **D.** nam lên bắc.

**Câu 14:** Thời gianTrái Đất chuyển động hết một vòng quanh trục là

**A.** 14 giờ. **B.** 24 giờ.

**C.** 25 giờ. **D.** 365 ngày 6 giờ.

**Câu 15:** Trái Đất quay xung quanh trục có hệ quả

**A.** có ngày **B.** có ngày và đêm luân phiên nhau

**C.** có đêm **D.** có ngày đêm.

**Câu 16:** Mặt Trời và 8 hành tinh chuyển động xung quanh nó còn được gọi là

**A.** Thiên hà. **B.** Hệ Mặt Trời.

**C.** Trái Đất. **D.** Dải ngân hà.

**B. TỰ LUẬN (6.0 điểm)**

**Câu 1.** (2.0 điểm)

Phân biệt những nguồn tư liệu để biết và phục dựng lại lịch sử.

Em hãy dẫn chứng hai tư liệu hiện vật có giá trị thời Hùng Vương (ở Phú Thọ) để chúng ta biết và phục dựng lại lịch sử?

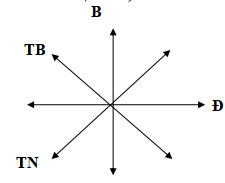
**Câu 2.** (1.0 điểm)

So sánh sự khác nhau về đời sống vật chất, tinh thần của bầy người nguyên thuỷ với công xã thị tộc?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Bầy người nguyên thuỷ** | **Công xã thị tộc** |
| Đời sống vật chất |  |  |
| Đời sống tinh thần |  |  |

**Câu 3 (1,5 điểm)**

a. Xác định các hướng còn lại dưới hình sau:



b. Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất?

**Câu 4 (1,0 điểm)** Xác định toạ độ địa lí của các điểm A, B, C, D.



**Câu 5 (0,5 điểm)**

Một trận bóng đá được tổ chức tại Anh (múi giờ số 0) vào lúc 14h ngày 15/10/2021, thì cùng lúc đó ở Hà Nội (múi giờ số 7) sẽ là mấy giờ và vào ngày nào?

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ**

**A. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| **Đáp án** | A | D | C | A | C | B | B | D | D | D | A | A | A | B | B | B |

**B. TỰ LUẬN (6.0 điểm)**

**Câu 1. (2.0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| \* Phân biệt những nguồn tư liệu để biết và phục dựng lại lịch sử: | 1.5đ |
| * - Tư liệu hiện vật: là những di tích, đồ vật ...của người xưa còn lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất. * - Tư liệu chữ viết: những bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, khắc chữ … * - Tư liệu truyền miệng: những câu chuyện dân gian được kể truyền miệng từ đời này sang đời khác * - Tư liệu gốc: là tư liệu cung cấp những thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử nào đó | 0.5đ  0.25đ  0,25đ  0.5đ |
| \* Dẫn chứng hai tư liệu hiện vật có giá trị thời Hùng Vương (ở Phú Thọ) để chúng ta biết và phục dựng lại lịch sử: | 0.5đ |
| *HS trả lời theo ý kiến cá nhân*  *Gợi ý đáp án: Đền Hùng (Việt Trì), Đền Mẫu Âu Cơ (Hạ Hoà)* |

**Câu 2.(1.0 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Nội dung* | | | *Điểm* |
| So sánh sự khác nhau về đời sống vật chất, tinh thần của bầy người nguyên thuỷ với công xã thị tộc: | | |  |
| **Nội dung** | **Bầy người nguyên thuỷ** | **Công xã thị tộc** |  |
| Đời sống vật chất | Sống trong hang động, dựa vào săn bắt và hái lượm. | Biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải và làm gốm | **0,5** |
| Đời sống tinh thần | Biết làm đồ trang sức, vẽ tranh trên vách đá … | - Biết làm đồ trang sức tinh tế hơn, làm tượng bằng đá hoặc đất nung  - Biết chôn người chết và có đời sống tâm linh | **0,5** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Biểu điểm** |
| **Câu 3**  **(1,5 điểm)** | **a. Xác định được các hướng trên hình vẽ.**  (Xác định đúng 4 hướng được 0,5đ)  **b. Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất.**  - Do Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời chỉ chiếu sáng được 1 nửa.  - Nửa được chiếu sáng sẽ là ban ngày, còn nửa không được chiếu sáng sẽ là ban đêm.  - Do Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục theo hướng từ tây sang đông nên ở khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm luân phiên nhau. | 0.5  0,25  0,25  0,5 |
| **Câu 4**  **(1điểm)** | **Xác định toạ độ địa lí tại các điểm: (mỗi tọa độ đúng được 0,25đ)**  A (100N; 200Đ) B (200B; 300T) C (300N; 00) D ( 00; 400T) | 1đ |
| **Câu 6 (0,5 điểm)** | Cùng lúc đó tại Hà Nội là: 14 + 7 = 21 giờ, ngày 15/10/2021 | 0,5 |

**Giáo viên ra đề**

**Vũ Thị Phượng**

**Phạm Thị Phượng**